TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 21 – 8 - 2020
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: - Ông Dương Quốc Tuấn
- *Các Thẩm phán*: - Ông Nguyễn Hồng Thanh
- Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Lê Nam – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh HG.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh HG*: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh HG, công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 09/2020/TLPT-HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2020, về việc "Ly hôn".

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2020/HNGĐ-ST ngày 20/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh HG bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 15A/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Kim R;

Địa chỉ: Ấp P B1, xã P, huyện C, tỉnh HG.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T

Địa chỉ: Ấp P B1, xã P, huyện C, tỉnh HG

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Văn T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn Võ Kim R trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn kết hôn năm 2005 có làm lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh HG. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong tính tình, cách sống, chồng không quan tâm gia đình, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân

không đạt được, sống ly thân từ tháng 12 năm 2019 đến nay. Nguyên đơn yêu cầu giải quyết được ly hôn với bị đơn.

Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có hai con chung cháu Nguyễn Võ KT, sinh ngày 17/02/2007, cháu Nguyễn Thị HT, sinh ngày 30/8/2008 nguyên đơn yêu cầu nuôi hai con chung, yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày: Bị đơn với nguyên đơn kết hôn năm 2005, có làm lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình chung sống không có tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay, mâu thuẫn vợ chồng do cuộc sống chung thường xuyên xảy ra bất đồng tính tình, cách sống, bị đơn không quan tâm đến gia đình phát sinh mâu thuẫn từ tháng 12 năm 2018 và đã ly thân từ tháng 12 năm 2019. Bị đơn không đồng ý ly hôn với nguyên đơn mong muốn được đoàn tụ. Về con chung bị đơn đồng ý để nguyên đơn nuôi hai con chung, bị đơn đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu là 745.000 đồng trên tháng. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn yêu cầu được nuôi hai con chung.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2020/HNGĐ-ST, ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh HG tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Võ Kim R và bị đơn Nguyễn Văn T được ly hôn.

1.2. Về con chung chị Võ Kim R được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Võ KT, giới tính: Nam, sinh ngày 17/02/2007 và cháu Nguyễn Thị HT, giới tính: Nữ, sinh ngày 30/8/2008. Về cấp dưỡng anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng mỗi cháu 745.000 đồng trên tháng cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích, của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay chưa xem xét giải quyết.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Ngày 27/4/2020, bị đơn anh Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Anh T đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Tuy nhiên, anh T chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử cho anh được nuôi cháu Nguyễn Võ KT, không yêu cầu chị R phải cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ hôn nhân thì đồng ý ly hôn, về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết

Chị Võ Kim R vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh HG trình bày quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh Tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/4/2020, bị đơn anh Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của anh T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Chị Võ Kim R và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 10/4/2007 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh HG nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị R và anh T có hai con chung tên Nguyễn Võ KT, giới tính nam, sinh ngày 17/02/2007 và Nguyễn Thị HT, giới tính nữ, sinh ngày 30/8/2008 hiện hai cháu đang sống chung với anh T. Về nợ chung và tài sản chung chị R và anh T khai thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết.

[2.2] Quá trình chung sống, giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống do anh T không quan tâm gia đình, bản thân anh T cũng thừa nhận thường xuyên uống rượu và đánh bạc, không quan tâm phụ giúp vợ con và hai người đã ly thân từ tháng 12/2019 đến nay. Xét thấy, quan hệ hôn nhân là trên tinh thần tự nguyện từ hai phía, nhưng mối quan hệ hôn nhân giữa chị R và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được và chị R không còn muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với anh T, nên cấp sơ thẩm cho chị R và anh T được ly hôn là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T cũng thống nhất ly hôn với chị R

[2.3] Về con chung: Cả hai con chung là cháu KT và cháu HT hiện đang sống với anh T. Tại phiên hòa giải ngày 27/2/2020, anh T cũng thống nhất để cho chị R được nuôi hai con chung và đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng cho mỗi cháu 745.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm anh T lại yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị R cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T chỉ yêu cầu được nuôi dưỡng cháu KT và không yêu cầu chị R

cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, cháu KT và cháu HT đều đã trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị Võ Kim R. Hơn nữa, anh T cũng thừa nhận thường xuyên đi uống rượu, nếu giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo điều kiện cho hai cháu phát triển, nên cấp sơ thẩm chấp nhận giao con chung cho chị R được trực tiếp nuôi dưỡng và anh T phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

[2.4] Về nợ chung và tài sản chung do anh T và chị R thống nhất khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những cơ sở trên, xét thấy kháng cáo của anh T là không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: anh T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Võ Kim R và bị đơn Nguyễn Văn T được ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao chị Võ Kim R được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Võ KT, giới tính: Nam, sinh ngày 17/02/2007 và cháu Nguyễn Thị HT, giới tính: Nữ, sinh ngày 30/8/2008. Về cấp dưỡng, anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng mỗi cháu 745.000 đồng trên tháng cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích, của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay chưa xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Võ Kim R phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0001424 ngày 07/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh HG thành án phí, nguyên đơn không phải nộp thêm. Bị đơn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh HG.

3. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Bị đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0003917 ngày 28/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh HG thành án phí

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 21/8/2020./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh HG;
- TAND H. C;
- Chi cục THADS H. C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Dương Quốc Tuấn